TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 5 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hải

2. Bà Nguyễn Thị Vụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 0435/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thúy L (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông Tăng Phúc Nguyễn Duy N (vắng mặt).

Nơi cư trú: C001 Chung cư Y, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Thúy L trình bày:

Bà Trương Thị Thúy L và ông Tăng Phúc Nguyễn Duy N tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số Ro-217, quyển số 01/2008 ngày 18/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu mới kết hôn, hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Sau đó mâu thuẫn phát sinh do cả hai bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, tin tưởng và yêu thương nhau. Từ cuối năm 2016 đến nay, ông N bỏ nhà đi khỏi địa phương, bà L không có tin tức gì về ông N trong một thời gian dài. Do đó, bà L đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố ông Tăng Phúc Nguyễn Duy N mất tích theo Quyết định số: 0137/2021/QĐDS-ST ngày 16/3/2021. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Tăng Tuệ V, sinh ngày 25/02/2011.

Bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tuệ V đến khi thành niên, không yêu cầu ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L khẳng định các tài liệu, chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai đầy đủ trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trương Thị Thúy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N và các yêu cầu về con chung, tài sản chung, nợ chung để ổn định cuộc sống.

Bị đơn ông Tăng Phúc Nguyễn Duy N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phồ Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Trương Thị Thúy L yêu cầu ly hôn với ông Tăng Phúc Nguyễn Duy N. Ông N đã được Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về yêu cầu tuyên bố một người mất tích số: 137/2021/QĐDS-ST ngày 16/3/2021. Theo quyết định trên thì ông N có nơi cư trú cuối cùng tại C001 Chung cư Y, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số Ro-217, quyển số 01/2008, ngày 18/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Nai có cơ

sở xác định hôn nhân giữa bà Trương Thị Thúy L và ông Tăng Phúc Nguyễn Duy N là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, năm 2016 ông N bỏ địa phương đi biệt tích cho đến nay. Bà L tìm kiếm nhưng không có tin tức gì nên yêu cầu Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố ông Tăng Phúc Nguyễn Duy N đã mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 0137/2021/QĐDS-ST ngày 16/3/2021. Do đó, bà L yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 43, quyển 01 ngày 08/3/2011 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh N có cơ sở xác định bà L và ông N có 01 con chung là Tăng Tuệ V, sinh ngày 25/02/2011.

Xét, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tăng Tuệ V và không yêu cầu ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của bà L xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con cái. Tuy nhiên, việc giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống của con về mọi mặt. Do đó, vì bảo đảm lợi ích cho sự phát triển ổn định của trẻ, tránh ảnh hưởng tâm lý do thay đổi môi trường sống, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về việc được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tăng Tuệ V, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông N đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà Trương Thị Thúy L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 264 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Thúy L và ông Tăng Phúc Nguyễn Duy N.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung là Tăng Tuệ V, sinh ngày 25/02/2011.

Giao trẻ Tăng Tuệ V cho bà Trương Thị Thúy L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Trương Thị Thúy L không yêu cầu ông Tăng Phúc Nguyễn Duy N cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà L và ông N đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Thúy L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình:

Bà Trương Thị Thúy L phải chịu số tiền án phí là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019008 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Thị Thúy L đã nộp đủ án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Quỳnh